

Số: **02** /2020/TT-BTTTT

Hà Nội, ngày **14** tháng **02** năm 2020

THÔNG TƯ

**Quy định danh mục, đối tượng thụ hưởng, phạm vi, chất lượng,
giá cước tối đa dịch vụ viễn thông công ích và mức hỗ trợ
cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020**

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông; Nghị định số 81/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông và Nghị định số 49/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 15 của Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông và Điều 30 của Nghị định số 174/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá và Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Thực hiện Quyết định số 1168/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020 và Quyết định số 868/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1168/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Viễn thông,

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư quy định danh mục, đối tượng thụ hưởng, phạm vi, chất lượng, giá cước tối đa dịch vụ viễn thông công ích và mức hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định danh mục dịch vụ viễn thông công ích, đối tượng thụ hưởng, phạm vi, chất lượng, giá cước tối đa dịch vụ viễn thông công ích và mức hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân cung cấp, sử dụng dịch vụ viễn thông công ích và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan tới quản lý việc cung cấp, sử dụng dịch vụ viễn thông công ích tại Việt Nam.

Chương II

DANH MỤC DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH

Điều 3. Danh mục dịch vụ viễn thông công ích bắt buộc

Dịch vụ viễn thông công ích bắt buộc bao gồm:

1. Dịch vụ viễn thông công ích khẩn cấp (dịch vụ gọi đến các số dịch vụ khẩn cấp, bao gồm số dịch vụ gọi Công an 113, số dịch vụ gọi Cứu hỏa 114, số dịch vụ gọi Cấp cứu y tế 115).
2. Dịch vụ viễn thông công ích di động hàng hải phục vụ hoạt động tìm kiếm, cứu nạn trên biển qua hệ thống đài thông tin duyên hải.
3. Dịch vụ viễn thông công ích vệ tinh phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành phòng, chống thiên tai.

Điều 4. Danh mục dịch vụ viễn thông công ích phổ cập

Dịch vụ viễn thông công ích phổ cập bao gồm:

1. Dịch vụ viễn thông công ích trợ giúp tra cứu số thuê bao điện thoại cố định (dịch vụ gọi đến số trợ giúp tra cứu số thuê bao điện thoại mạng viễn thông cố định mặt đất 116).
2. Dịch vụ viễn thông công ích điện thoại cố định mặt đất trả sau.
3. Dịch vụ viễn thông công ích thông tin di động mặt đất trả sau.

4. Dịch vụ viễn thông công ích di động hàng hải cho tàu, thuyền đánh bắt hải sản trên biển qua hệ thống đài thông tin duyên hải.
5. Dịch vụ viễn thông công ích truy nhập Internet băng rộng cố định trả sau.
6. Dịch vụ viễn thông công ích kênh thuê riêng cố định mặt đất.
7. Dịch vụ viễn thông công ích truyền dẫn tín hiệu truyền hình số qua vệ tinh VINASAT.
8. Dịch vụ viễn thông công ích thuê kênh truyền dẫn cáp quang trên cơ sở hạ tầng cáp quang của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
9. Dịch vụ viễn thông công ích truyền dẫn viba số để cung cấp dịch vụ băng rộng cho các huyện đảo.
10. Dịch vụ viễn thông công ích thuê kênh truyền dẫn vệ tinh để cung cấp dịch vụ băng rộng cho các huyện đảo.

Chương III

ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG, PHẠM VI, GIÁ CƯỚC CÔNG ÍCH TỐI ĐA VÀ MỨC HỖ TRỢ CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH BẮT BUỘC

Điều 5. Dịch vụ viễn thông công ích khẩn cấp

1. Đối tượng được hưởng giá cước dịch vụ viễn thông công ích khẩn cấp bao gồm:
 - a) Người sử dụng dịch vụ điện thoại cố định mặt đất gọi đến các số dịch vụ khẩn cấp;
 - b) Người sử dụng dịch vụ thông tin di động mặt đất gọi đến các số dịch vụ khẩn cấp.
2. Đối tượng được hưởng mức hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích khẩn cấp bao gồm:
 - a) Doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ điện thoại cố định mặt đất nội hạt gọi đến các số dịch vụ khẩn cấp;
 - b) Doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ thông tin di động mặt đất gọi đến các số dịch vụ khẩn cấp.
3. Giá cước dịch vụ viễn thông công ích khẩn cấp áp dụng cho các đối tượng tại Khoản 1 Điều này là 0 đồng/phút.
4. Mức hỗ trợ cho doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ điện thoại cố định mặt đất nội hạt khởi phát cuộc gọi đến các số dịch vụ khẩn cấp là 200 đồng/phút (hai trăm đồng một phút). Thời gian tính hỗ trợ làm tròn theo phút của mỗi liên lạc.

5. Mức hỗ trợ cho doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ thông tin di động mặt đất khởi phát cuộc gọi đến các số dịch vụ khẩn cấp bằng với giá cước kết nối (không bao gồm thuế giá trị gia tăng) theo quy định pháp luật được áp dụng tại thời điểm phát sinh cuộc gọi. Thời gian tính hỗ trợ làm tròn theo phút của mỗi liên lạc.

Điều 6. Dịch vụ viễn thông công ích di động hàng hải qua hệ thống đài thông tin duyên hải phục vụ hoạt động tìm kiếm, cứu nạn trên biển

1. Đối tượng được hưởng giá cước dịch vụ viễn thông công ích di động hàng hải qua hệ thống đài thông tin duyên hải phục vụ hoạt động trong các sự kiện tìm kiếm, cứu nạn trên biển là ngư dân Việt Nam trên tàu, thuyền đánh bắt hải sản trên biển sử dụng dịch vụ này trong phạm vi vùng biển Việt Nam.

2. Đối tượng được hưởng mức hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích di động hàng hải phục vụ hoạt động tìm kiếm, cứu nạn qua hệ thống đài thông tin duyên hải là doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ cho các đối tượng thụ hưởng tại Khoản 1 Điều này.

3. Giá cước dịch vụ viễn thông công ích di động hàng hải phục vụ hoạt động tìm kiếm, cứu nạn qua hệ thống đài thông tin duyên hải áp dụng cho các đối tượng tại Khoản 1 Điều này là 0 đồng/phút.

4. Mức hỗ trợ cho doanh nghiệp tại Khoản 2 Điều này là 6.500 đồng/phút (sáu nghìn năm trăm đồng một phút). Thời gian tính hỗ trợ làm tròn theo phút của mỗi sự kiện. Tổng thời gian hoạt động tìm kiếm cứu nạn trong năm được hỗ trợ không lớn hơn 20.000 (hai mươi nghìn) giờ.

Điều 7. Dịch vụ viễn thông công ích vệ tinh phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành phòng, chống thiên tai

1. Đối tượng được hưởng giá cước dịch vụ viễn thông công ích vệ tinh phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành phòng, chống thiên tai là các thành viên thuộc Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai sử dụng dịch vụ viễn thông công ích vệ tinh phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành phòng, chống thiên tai.

2. Đối tượng được hưởng mức hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích vệ tinh phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành phòng, chống thiên tai là các doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ cho các đối tượng tại Khoản 1 Điều này.

3. Giá cước dịch vụ viễn thông công ích vệ tinh phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành phòng, chống thiên tai áp dụng cho các đối tượng tại Khoản 1 Điều này là 0 đồng/đơn vị sử dụng tương ứng.

4. Mức hỗ trợ cho các doanh nghiệp viễn thông tại Khoản 2 Điều này được quy định như sau:

a) Mức hỗ trợ cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thuê kênh băng tần C vệ tinh VINASAT là 36.450.000 đồng/MHz/tháng (ba mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng cho một Megahertz một tháng);

b) Mức hỗ trợ cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông VSAT-IP bao gồm mức hỗ trợ giá cước thuê bao là 27.000 đồng/thuê bao/tháng (hai mươi bảy nghìn đồng một thuê bao một tháng) và mức hỗ trợ giá cước dịch vụ thoại, fax là 1.744 đồng/phút (một nghìn bảy trăm bốn mươi bốn đồng một phút);

c) Mức hỗ trợ cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông truy nhập Internet tốc độ 3.072/384 kbps của trạm VSAT-IP là 53.000 đồng/ngày (năm mươi ba nghìn đồng một ngày);

d) Mức hỗ trợ cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ kênh thuê riêng IP, dịch vụ thiết lập mạng dùng riêng ảo (VPN) sử dụng kênh 2 chiều đối xứng của trạm VSAT-IP như sau:

Số TT	Tốc độ	Dịch vụ kênh thuê riêng IP (đồng/ngày/kênh)	Dịch vụ thiết lập mạng dùng riêng ảo (VPN) (đồng/ngày/kênh)
1	2 Mbps	6.218.000	4.133.000
2	1 Mbps	3.117.000	2.006.000
3	512 kbps	1.567.000	1.033.000
4	256 kbps	792.000	516.000
5	128 kbps	405.000	258.000
6	64 kbps	211.000	129.000

đ) Mức hỗ trợ cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông vệ tinh Inmarsat như sau:

Số TT	Dịch vụ/hướng liên lạc	Đơn vị	Mức hỗ trợ
1	Inmarsat trả sau loại IsatPhone	đồng/thuê bao/tháng	1.020.000
2	Inmarsat trả sau loại BGAN	đồng/thuê bao/tháng	1.800.000
3	Thoại đến mạng cố định	đồng/phút	22.000
4	Thoại đến mạng di động	đồng/phút	30.000
5	Thoại đến BGAN Family	đồng/phút	25.000
6	Thoại đến Inmarsat Isatphone	đồng/phút	32.000
7	Tin nhắn (SMS)	đồng/tin nhắn	13.000
8	Background IP	Mbyte	163.000